

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN NGÔN NGỮ ANH /BACHELOR OF ENGLISH ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO CHÍNH/MAJOR:	NGÔN NGỮ ANH (ENGLISH)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO CHÍNH /CODE:	5220201
NGÀNH ĐÀO TẠO PHỤ (MINOR):	QUẢN TRỊ KINH DOANH (BUSINESS MANAGEMENT)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO PHỤ/CODE:	52340101
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành chính Ngôn ngữ Anh – ngành phụ Quản trị Kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có khả năng sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh trong môi trường nghề nghiệp có yêu cầu sử dụng tiếng Anh làm công cụ giao tiếp chính.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Với lợi thế về ngoại ngữ cùng kiến thức kinh tế kinh doanh, cử nhân ngôn ngữ Anh có thể đảm nhiệm nhiều vị trí việc làm theo các định hướng sau đây:

- Phiên dịch, biên dịch: biên dịch viên, phiên dịch viên, điều phối viên dự án cho các cơ quan và tổ chức trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp.

-Quản trị kinh doanh tổng hợp: cán bộ các phòng chức năng tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội của Việt nam và quốc tế (ví dụ: sales & marketing, quản lý nhân sự,...); trợ lý, thư ký trong các doanh nghiệp; tham gia khởi nghiệp kinh doanh.

- Định hướng sư phạm: giáo viên dạy Tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo khác nhau, đặc biệt tiếng Anh chuyên ngành kinh tế-kinh doanh.

-Quan hệ quốc tế, đối ngoại: cán bộ đối ngoại tại các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; cán bộ phụ trách báo chí truyền thông của cá cơ quan, doanh nghiệp.

- ***Trình độ ngoại ngữ và tin học***: Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ không chuyên theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR	Mô tả	Mã CĐR
<b>Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>	Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	CĐR 1
	Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về pháp luật. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật vào các hoạt động kinh tế và kinh doanh.	CĐR 2
	Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng-an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.	CĐR 3
	Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe.	CĐR 4
	Hiểu những khái niệm căn bản về cấu trúc của ngôn ngữ, bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ và thực hành ngôn ngữ của ngôn ngữ Anh, Việt.	CĐR 5
	Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế làm nền tảng lý luận và thực tiễn của quản trị kinh doanh.	CĐR 6
	Có kiến thức cơ bản và có thể sử dụng được ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp/Trung) ở trình độ tiền trung cấp.	CĐR 7
	Nắm vững những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ Anh: những khái niệm cơ bản trong Ngữ âm-âm vị học Tiếng Anh, phát âm đúng tiếng Anh, những vấn đề cơ	CĐR 8

<b>CDR</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mã CDR</b>
	bản của từ vựng học tiếng Anh và những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa; những vấn đề cơ bản của Ngữ pháp tiếng Anh, và vận dụng được những kiến thức về những vấn đề đó trong công việc chuyên môn.	
	Nắm vững các kiến thức về kỹ thuật dịch, có thể áp dụng các kiến thức này trong công tác biên phiên dịch.	CDR 9
	Vận dụng kiến thức khái quát về văn hóa, văn học, giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Anh.	CDR 10
	Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh (quản lý, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, marketing, kế toán, quản trị nhân lực, thống kê...) để phục vụ các mục đích nghề nghiệp và học tập nâng cao.	CDR 11
<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	Có tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc định hướng đào tạo của mình.	CDR 12
	Có các năng lực và kỹ năng khác cần thiết để làm việc và phát triển trong môi trường hội nhập như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thuyết phục, đàm phán, năng lực quản lý và năng lực tự học, tự nghiên cứu để học tập liên tục, học tập suốt đời; năng lực xã hội hóa, khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác.	CDR 13
	Biết tự đánh giá bản thân, tự định hướng và lập kế hoạch phát triển bản thân nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	CDR 14
	Sử dụng tiếng Anh ở mức độ thành thạo với các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết),	CDR 15
	Sử dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trong môi trường làm việc sau này, đặc biệt trong các lĩnh vực marketing, ngân hàng tài chính, kinh doanh quốc tế.	CDR 16
	Vận dụng các kiến thức chung; kỹ năng tiếng Anh tổng quát; và các kỹ thuật dịch để chuyển tải ngôn ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại dưới dạng ngôn ngữ nói và viết.	CDR 17
	Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh (quản lý, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, marketing, kế toán, quản trị nhân lực, ...) để phục vụ các mục đích nghề nghiệp và học tập nâng cao.	CDR 18

<b>CDR</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mã CDR</b>
	Sử dụng các kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ vào mục đích nghề nghiệp.	
<b>CDR Tin học</b>	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	<b>CDR 19</b>
<b>CDR Ngoại ngữ</b>	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 6.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	<b>CDR 20</b>
<b>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>	Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội, có tư duy nghiên cứu độc lập; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	<b>CDR 21</b>

### **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ**

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

### **7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

#### **7.1. Cấu trúc cơ bản**

**Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT**

<b>Kiến thức</b>	<b>Số TC</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>42</b>	

1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	10	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>104</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>15</b>	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>61</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	46	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b>	<b>18</b>	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>146</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC

## 7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-20 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
	<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>42</b>		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			<b>20</b>		
<b>1</b>	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
<b>2</b>	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
<b>3</b>	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
<b>4</b>	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
<b>5</b>	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
<b>6</b>	6	Ngoại ngữ 2 (Trung/Pháp) Second Foreign Language (Chinese/French)	NNKC	9	V, VI, VII	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
	<b>1.2. Các học phần của Trường</b>			<b>12</b>		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	II	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	III	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	II	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	<b>1.3. Các học phần của ngành</b>			<b>10</b>		
11	1	Đại cương văn hóa Việt nam Vietnamese culture foundation	NNTV1110	2	III	
12	2	Dẫn luận ngôn ngữ Introduction to linguistics	NNTV1102	2	I	
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	IV	
14	4	Quản trị kinh doanh 1 - E Business Management 1 - E	QTTH1129	3	V	KHMI1101
	<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>104</b>		
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>15</b>		
15	1	Ngữ âm - âm vị học Phonetics and Phonology	NNTM1103	2	VI	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
16	2	Ngữ pháp Tiếng Anh ứng dụng Applied English Grammar	NNTM1134	2	V	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
17	3	Từ vựng học Lexicology	NNTM1133	2	VI	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
17	4	Tiếng Việt cơ sở Vietnamese Language	NNTV1114	3	II	
18	5	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	IV	
19	6	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	V	KHMI1101 KHMA1101
	<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>61</b>		
	<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc</b>			<b>46</b>		

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)</b>		<b>Mã HP</b>	<b>Số TC</b>	<b>Học kỳ (dự kiến)</b>	<b>Mã HP tiên quyết</b>
<b>20</b>	1	Ngữ âm thực hành Pronunciation	NNTM1104	2	I	
<b>21</b>	2	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 1 English - Listening Skills 1	NNTM1135	2	I	
<b>22</b>	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 2 English - Listening Skills 2	NNTM1158	2	II	NNTM1135
<b>23</b>	4	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 3 English - Listening Skills 3	NNTM1136	2	III	NNTM1158
<b>24</b>	5	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 1 English - Speaking Skills 1	NNTM1138	2	I	
<b>25</b>	6	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 2 English - Speaking Skills 2	NNTM1139	2	II	NNTM1138
<b>26</b>	7	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 3 English - Speaking Skills 3	NNTM1140	2	III	NNTM1139
<b>27</b>	8	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 1 English - Reading Skills 1	NNTM1142	2	I	
<b>28</b>	9	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 2 English - Reading Skills 2	NNTM1143	2	II	NNTM1142
<b>29</b>	10	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 3 English - Reading Skills 3	NNTM1144	2	III	NNTM1143
<b>30</b>	11	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 1 English - Writing Skills 1	NNTM1146	2	I	
<b>31</b>	12	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 2 English - Writing Skills 2	NNTM1147	2	II	NNTM1146
<b>32</b>	13	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 3 English - Writing Skills 3	NNTM1148	2	III	NNTM1147
<b>33</b>	14	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 1 Integrated skills - English for economics and business 1	NNTM1151	3	I	
<b>34</b>	15	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 2 Integrated skills - English for economics and business 2	NNTM1157	3	II	NNTM1151
<b>35</b>	16	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 3 Integrated skills - English for economics and business 3	NNTM1152	3	III	NNTM1157
<b>36</b>	17	Thực hành Biên dịch 1 Translation 1	NNTM1107	2	V	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
<b>37</b>	18	Thực hành Phiên dịch 1 Interpretation 1	NNTM1110	2	V	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
<b>38</b>	19	Thực hành Biên dịch 2 Translation 2	NNTM1108	2	VI	NNTM1107
<b>39</b>	20	Thực hành Phiên dịch 2 Interpretation 2	NNTM1111	2	VI	NNTM1110

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
40	<b>Thực tập giữa khoá (Practicum)</b>		NNTM1165	3	V	
	<b>2.2.2 Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			15		
41 42 43 44 45	1	Văn hóa các nước nói tiếng Anh Culture of English Speaking Countries	NNTM1170	3	VII	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
	2	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 4 English - Speaking Skills 4	NNTM1141	3	IV	NNTM1140
	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 4 English - Listening Skills 4	NNTM1137	3	IV	NNTM1136
	4	Giao thoa văn hoá Cross culture	NNTV1112	3	VII	
	5	Lịch sử văn minh thế giới History of World Civilization	DLLH1131	3	VII	
	6	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	VII	QLKT1101
	7	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC1102	3	VII	QLKT1101
	8	Tư duy phản biện Critical thinking	NNTM1173	3	V	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
	<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b> (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		
46 47 48 49 50 51	1	Chuyên đề Tài chính - Ngân hàng - E English for Banking & Finance	NNTM1150	3	VI	NNTM1152
	2	Chuyên đề Kinh doanh Quốc tế - E English for International Business	NNTM1161	3	VII	NNTM1152
	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 4 English - Reading Skills 4	NNTM1166	3	IV	NNTM1144
	4	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 4 English - Writing Skills 4	NNTM1169	3	IV	NNTM1148
	5	Chuyên đề Giao tiếp Kinh doanh - E Business Communication-in English	NNTM1159	3	VII	NNTM1152
	6	Marketing căn bản - E Principles of Marketing- in English	MKMA1105	3	VI	NNTM1152
	7	Thực hành Phiên dịch 3 Interpretation 3	NNTM1164	3	VII	NNTM1111
	8	Thực hành Biên dịch 3 Translation 3	NNTM1163	3	VII	NNTM1108
	9	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội	PTCC1128	3	VI	



TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngôn ngữ Anh)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
		Socio-Economic Research Methods				
	10	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh English Teaching Methodology	NNTM1172	3	VII	NNTM1141 NNTM1137 NNTM1166 NNTM1169
52	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>Graduation Thesis</i>		NNTM1174	10	VIII	
	<b>Tổng số tín chỉ</b>			146		

### 8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/ Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Thùy**

**PGS.TS Phạm Hồng Chương**